

Cuộc Gặp Gỡ Bất Ngờ Với NT Nguyễn Văn Dục Khóa 17 Tại Trại Tù "Cải Tạo" Bù Lôi

Trần Hữu Hạnh, K25

Ngày 17 tháng 5, 1975, sau ngày miền Nam lọt vào tay giặc và sau khi trình diện Ban Quân Quản Cộng Sản, tôi đi theo mẹ tôi đi làm rẫy tại La Ngà (cây số 102). Hai hôm sau (19/5/1975) tôi bị du kích VC bắt giải đi đến một bộ chỉ huy của quân CS Bắc Việt tại một ngôi chùa bên cạnh hòn đá lớn tại Định Quán (cây số 113) để điều tra. Buổi chiều tối hôm đó, khi tay tôi vẫn đang bị cột, du kích VC dẫn tôi đi giữa chợ Định Quán đến Trường Tiểu Học Định Quán và xiềng chân tôi tại đây với tội danh là một sĩ quan “ngụy”. Chân phải tôi mang một sợi dây “lòi tói” với một đầu xích được khóa vào chân bằng một ổ khóa. Đầu kia xích vào chân bàn học bằng một ổ khóa khác. Mỗi buổi sáng khi đi vệ sinh, đầu lòi tói kia được mở ra, nhưng sợi dây lòi tói được quán vào chân phải tôi với hai ổ khóa. Ngày 22 tháng 7, 1975, tôi được chuyển đến trại tập trung Lê Lợi, Long Khánh nguyên là Kho Quân Cự của Sư Đoàn 18 Bộ Binh.

Năm 1977, tôi được chuyển lên Đoàn 500 Phước Long Sông Bé. Đoàn 500 nằm giữa núi rừng hoang vu nằm về phía Bắc cầu sông Bé và nằm trọn trong mạn phải (hữu ngạn) thượng nguồn sông Bé, mà cây rừng chủ yếu là tre nứa mọc dọc theo

hai bên bờ sông. Từ Đoàn 500 ra đi phải qua cầu sông Bé, ngày đó gọi là cầu 10T (10 tấn,) nơi mà vào những buổi trưa sau khi đi cắt tranh, hay đốn tre, hay nhổ khoai mì tôi thường xuống chân cầu xi măng ngồi nghỉ mệt hay ăn trưa với những củ khoai mì luộc hay nướng.

Thời gian này là lúc gian khổ nhất. Có nhiều khi tôi không tin sẽ có một ngày về. Nhưng tôi tin vào thuyết định mệnh và sự sinh tồn. Vì thế mặc dù đói rét và bệnh tật tôi luôn luôn lạc quan, học hỏi và rèn luyện sức khỏe. Sông Bé, nơi thượng nguồn của nó bề ngang sông khoảng 25m là một thử thách lớn nhất của tôi, vì vào mùa mưa nước từ nguồn xuống chảy trút cuộn cuộn dâng cao như thác đổ. Tôi vẫn không cảm thấy sợ hãi vì tôi đã luyện tập bơi lội sang bên kia sông mỗi khi đi tắm. Vì vậy trong một lần cháy rừng, tôi đã bơi dọc theo sông về trại, vì chiếc bè đi tản đã quá đầy không còn chỗ cho tôi.

Tôi còn nhớ những tảng đá hai bên bờ sông Bé đã gây cho tôi nỗi khiếp sợ, vì nhìn như những con quái thú. Những ngày ít mưa là những ngày đi rừng chặt tre, nứa. Nghe tiếng khỉ hú và bị trêu chọc, nhiều khi một thân một mình giữa rừng hoang vắng tôi đã nén tất cả đau đớn trong lòng. Tôi chỉ biết rằng phải có một ngày về và cần phải sống để tôi có thể làm một điều gì có ích cho những người thân, với chút lý tưởng còn sót lại. Dấu vết của chiếc cầu 10T mà chúng tôi gọi là cầu 10 tấn bắc ngang thượng nguồn Sông Bé. Nơi đây vào mỗi buổi trưa, tôi dùng chân giở lon guigoz ăn những lát khoai mì khô hay chút cơm dưới chân cầu bằng xi măng và ngấm dòng sông nước chảy chậm chậm. Thời gian này gian khổ nhất. Vì bị đói, cực nhọc, bị muỗi mòng, vắt đĩa hút máu, người tôi chỉ như bộ xương biết đi.

Cuối năm 1978, có cuộc chuyển trại từ “cải tạo” từ Đoàn 500 Phước Long đến trại tù Bù Lới, Phước Long. Chặng đường dài khoảng 80km, Các tù nhân gồm các sĩ quan QLVNCH phải gồng gánh mang theo tất cả vật dụng cá nhân gồm lương khô được thăm nuôi, quần áo, nồi niêu, lon guigoz, dao rựa,

nước uống ước lượng 15kgs cho một người. Khởi hành từ sáng sớm từ địa điểm của Đoàn 500 đi trên con đường đất đỏ lên dốc xuống dốc đến khoảng 6 giờ tối thì đến lán trại Bù Lôi. Nơi đây là một khu vực nhỏ gồm những lán trại cho các tù nhân “cải tạo” gần với Sóc Bom Bo và nằm giữa Sóc này với chợ Minh Hưng.



*Sơ đồ trại Tù Bù Lôi.**

Gồng gánh các vật dụng trên vai, tôi mặc chiếc áo vải kaki lính đầy ắp mảnh vá bằng vải bao cát, trên đầu quần cái khăn nhỏ, chân mang đôi dép nhựa mà có lúc phải cởi bỏ ra vì mồ hôi làm ẩm đôi chân không bám vào dép được, khi bước đi trên mặt đường đầy bụi đất đỏ cao nguyên.

Lộ trình di chuyển không được cho biết, nhưng chúng tôi phải dậy sớm ăn uống no mang theo nước uống rồi phải rời trại Đoàn 500 vừa khi có lệnh báo.

Lộ trình di chuyển dài khoảng 80km mới đến Bù Lôi, rồi rẽ phải. Chúng tôi men theo con đường mòn nhỏ trong rừng dần chúng tôi đến một con suối nhỏ, qua một túp lều là lò rèn thì tới khu lán trại với khoảng hai hay ba gian mái tranh, vách ngăn bằng phen nửa thật hiu quạnh và xơ xác. Tới nơi thì trời đã chập choạng tối.

Bước vào trong chúng tôi nhìn thấy những chiếc chõng phen tre đan kết bằng thân cây nứa. Chúng tôi bỏ xuống hành trang và chuẩn bị lon guigoz luộc những củ khoai mì mang theo để ăn. Tôi vẫn còn nhớ, phía sau lán trại còn những cây ốt hiểm mà tôi nghĩ là của những người Thượng đã trồng trước đây. Còn có những chiếc chõng tre trong khu lán trại chứng tỏ đã từng có người tù “cải tạo” ở. Họ đã ra đi và bỏ trống lại nơi này Trước khi chúng tôi đến.

Sau này tôi mới nghe từ những người cũ còn ở lại cho biết có một toán tù vừa rời bỏ nơi đây đi đâu tôi không biết, trong đó có anh Phạm Minh Tâm K25, người từng cùng tôi dự tranh đi học Trường Võ Bị West Point năm 1970. Một người tù cải tạo nữa là Niên Trưởng Nguyễn Trọng Tường K24 cũng đã rời trại này trước khi tôi đến. Nhưng đặc biệt nhất, Niên Trưởng Nguyễn Văn Dục K17 vẫn còn ở lại trại Bù Loi này, nhưng không cùng lán trại với tôi.

Đêm trôi qua tại trại tù “cải tạo” Bù Loi thật bình dị cùng với những chập chờn mệt mỏi, đói, và nhớ về quê nhà khôn xiết. Cái chõng tre đôi cho hai người nằm ngủ kêu cọt kẹt mỗi khi trở mình. Phía trên đầu giường là dây bợ bằng nứa chứa những “hành lý” rách rưới mà tôi mang theo trên đường từ Đoàn 500 Sông Bé đến đây. Dưới đất, tôi chỉ có đôi “dép râu” còn đầy bụi đỏ mà ai đó đã cho tôi trước khi lên đường từ Đoàn 500.

Sáng hôm sau, chúng tôi được chia ra nhiều “tổ” để đi “lao động.” Một tổ đi cắt tranh để lợp thêm cho nóc lán, một tổ đi chặt nứa để làm phen, một tổ bắt đầu đi thu hoạch củ khoai mì. Về phía Tây của trại tù “cải tạo” Bù Loi là những đồi thấp ngút ngàn lúa xanh, xa hơn nữa là những “rừng” cây khoai mì bát ngát, xa hơn nữa là rừng hoang với cỏ tranh vàng xanh lẫn lộn. Tôi thuộc tổ đi thu hoạch củ khoai mì và phải đạt “chỉ tiêu” là 50 kgs mỗi người tù. Những bao khoai mì phải được vác về trại nộp cho “cán bộ VC”. Một “trại viên cải tạo” được phân công xem xét và cân đo, và ghi tên người tù nào làm xong chỉ

tiêu lao động. Những trại viên “cải tạo” có thể đi vòng trong rừng giáp ranh với đường lộ chính (nay 2023 là Đường Tỉnh Lộ 760 (ĐT760)) hay có thể lấy đường chính là ĐT760 vác bao củ mì về trại.



Những ngày xưa thân ái. Các Niên Trưởng Nguyễn Quang Trung & Nguyễn Văn Dục K17, Vĩnh Quốc 16, Nguyễn Đình Hạnh & Hoàng Gia Hiếu K19 trong lễ chào cờ sáng Thứ Bảy của Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXII, 2022.

Thời gian này tôi đã tình cờ gặp NT Trần Minh Chánh K24 đang đi trên đường đất đỏ cùng với một người phụ nữ trẻ cùng một người nữa như là người em đi thăm ông. Tôi chỉ hỏi thăm ông rồi thôi. Nhiều năm sau tại Mỹ, khi viếng Lễ Tang Phu Nhân Cố Đề Đốc Trần Văn Chơn tại San Jose, Califonrina, tôi có gặp lại NT Trần Minh Chánh K24 và được biết người phụ nữ ấy là bà xã của ông. Tôi cũng có chào hỏi phu nhân của NT Chánh ngày hôm ấy.

Thời gian này tôi rất chú ý tìm kiếm NT Nguyễn Văn Dục K17, nhưng không sao tìm gặp được và nếu có hỏi thì chẳng biết ai để hỏi và chẳng biết ai biết vì tôi không biết trại Bù Lôi này lớn và đông trại viên ra sao; hơn nữa, trại viên chỉ biết đi lao động rồi xong trở về lán trại mình, việc tiếp xúc nhau coi như nghiêm cấm ngoại trừ trong cùng “tổ.”

Bù Loi được chia thành hai khu lán trại. Khi đi vào từ đường lộ đất đỏ nay là ĐT760, sẽ qua một giồng suối cạn chảy qua những viên đá nhỏ, và rồi đến một ngã ba. Tại đây nếu rẽ trái sẽ gặp một túp lều làm lò rèn rồi đi xa nữa sẽ gặp một lán trại, chạy song song với một con suối trước đây khi vào trại. Giờ đây con suối sâu hơn với cây cối mọc um tùm. Người ta có thể nghe tiếng chim quốc kêu vào chiều chiều.

“Chiều chiều chim vịt kêu chiều, buâng khuâng nhớ bạn chín chiều ruột đau.”

Lò rèn này, có trước khi tôi đến, xem có vẻ hoạt động từ lâu để làm liềm, búa, dao, rựa,... Như thế trại Bù Loi đã có từ lâu, có thể cùng thời gian khi tôi đến Đoàn 500. Nếu từ ngã ba này đi thẳng vào trong thì sẽ gặp lán trại của tôi bên trái con đường mòn. Nếu đi sâu hơn khoảng 100m thì sẽ gặp một con suối sâu đến gần 2m. Tại đây chúng tôi thay phiên nhau xuống mức nước gánh về lán trại, chia nhau nấu nướng hay tắm rửa. Chúng tôi có thể tắm giặt phía hạ lưu của suối, nhường thượng nguồn cho nước ăn uống. Ngày nay chúng ta biết rằng con suối này chảy đổ vào Sông Daklap, mà con sông này chia cắt Bù Loi với Chợ Minh Hưng Bù Đăng.

Vào một ngày tại đây, tôi đã gặp một người trại viên tù “cải tạo” đáng trung niên mà tôi ngỡ ngợ là NT Nguyễn Văn Dục K17. Tôi đã hỏi:

- “Thưa ông, trước đây ông có bao giờ ở Đà Lạt?”

- “Có.” Ông trả lời.

Tôi hỏi:

- “Có phải ông tên Dục không ạ?”

- “Phải, tôi là Dục. Có phải em học ở Trường Võ Bị không?” Ông nói.

Tôi nói:

- “Dạ phải, em tìm kiếm và muốn gặp anh. Hôm nay thật là may mắn em gặp lại anh.”

Tôi thật sự không dám gọi ông là Niên Trưởng vì sợ “ăng ten” nghe thấy. Ông cho tôi biết ông ở lán trại gần với đường lộ và tôi hẹn sẽ sang thăm ông.

Tương cũng nên biết, chiến tranh giữa VC với Campuchia đã và đang diễn ra khốc liệt vào năm 1977, 1978. Cuối năm 1978 đã diễn ra những căng thẳng ở vùng biên giới Bắc Việt với Trung Cộng. Cho đến đầu năm 1979 thì chiến sự giữa VC và TC bùng nổ dọc theo nơi đây.

Thấm thoát, vài tháng trôi qua, trời se sắt lạnh. Vào những ngày cuối năm Âm Lịch, lòng tôi thấy nao nao thương nhớ về quê nhà. Đêm 30 Tết, trong lán trại, vài anh em quây quần bên nhau kể chuyện chút cho vui. Nhân dịp này, một người, mang theo cuốn Kim Vân Kiều, nói chúng tôi có muốn xem thử thời vận bằng cách bói thơ, vì nghe như ta nói là “linh” lắm. Tôi đồng ý và nôn nóng “xem quẻ bói linh” trước. Bên ngọn đèn mờ tỏ, tôi nhắm mắt thỉnh lặng tập trung rồi lần theo cuốn truyện thơ mà gỡ vào trang tôi muốn chọn. Khi mở ra, mọi người cùng xem đọc với tôi những giòng thơ sau, đã làm lòng tôi tê tái. Đó là những câu thơ mà ông Nguyễn Du viết về lần chia ly giữa Thúy Kiều và Thúc Sinh.

*Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong Thu đã nhuộm màu quan san.
Dậm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.*

*Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa khơi.
Vàng trăng ai xé làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa khơi dặm sầu....*

Than ôi, thế là cuộc chia ly vẫn còn, và quê nhà vẫn còn xa ngoài tầm với!

Đêm 30 Giao Thừa trôi qua, lòng tôi buồn hơn khi nào hết, nghĩ đến nhà, đến thân phận nô lệ, nghĩ đến nước non. Ngày Mồng Một Tết các trại viên được nghỉ lao động và cũng dễ

chịu vì bớt bị nghe ngóng theo dõi, và có thể đi lại tự do. Vì thế, tôi quyết định đi thăm NT Nguyễn Văn Dục. Ngược ra phía đường lộ, rẽ phải về lò rèn rồi đi thêm chừng 100m nữa thì đến lán trại của ông. Tôi hỏi những người gần gũi để tìm ông thì gặp ông. Bên hiên ngoài, ông mời tôi chén nước. Hai anh em chúng tôi kể sơ qua chuyện đi tù, thăm hỏi sức khỏe và những gì nữa mà nay tôi không còn nhớ. Tuy nhiên, ông vẫn luôn lạc quan, tự tin, vui và vẫn dấp dấp gầy gầy, vẫn với bộ râu, khuôn mặt xương. Tôi không nhớ ông có bệnh hoạn gì không, nhưng không có vẻ gì đau yếu. Rất mừng cho ông. Từ ngày tôi ra Trường cuối năm 1972, đến khi ấy đầu năm 1979. Thời gian cách biệt chỉ có hơn sáu năm vì vậy những tình cảm huynh đệ vẫn còn như xưa không thay đổi.

Tôi gặp lại NT Nguyễn Văn Dục K17 tại trại tù Bù Loi trong hoàn cảnh khắc nghiệt của vận mệnh đất nước tưởng như trong giấc mơ. Người ta có thể gặp nhau trong men say, rượu ngọt và tiếng nhạc quay cuồng, nhưng những giọt đắng luôn còn tồn tại với cuộc đời như những vết hằn không phai cùng năm tháng.

Sunnyvale, CA 10/06/2023

***Sơ đồ vị trí Trại Tù Cải Tạo Bù Loi nơi VC giam giữ các Sĩ Quan Quân Lực VNCH 1978-1979**

Vị trí trại tù cải tạo Bù Loi nằm bên trái Tỉnh Lộ 760, giữa Sóc Bom Bo và Ngã Ba Minh Hưng. Cầu Dak Lấp ở giữa trại tù cải tạo Bù Loi và Minh Hưng.

A: Láng trại của tôi. Vách cỏ tranh, mái phen nứa, giường tre nứa.

B: Láng trại NT Nguyễn Văn Dục vách cỏ tranh, mái phen nứa, giường tre nứa nằm dọc theo bờ suối cận phía trước là

con suối cạn nay sâu hơn.

C: Nhà thăm nuôi, cách lảng trại B con suối và bên trái con đường mòn dẫn vào trại.

D: Lò rèn làm dao, rựa, cuốc,...

E: Đường ra rừng trồng lúa vào cây khoai mì

F: Nơi gánh nước, tắm giặt suối sâu

G: Suối sâu chảy ra sông Dak-Lấp

H: Con suối cạn

Ước lượng khoảng 500 đến 1.000 tù cải tạo sĩ quan QLVNCH ở trại này.



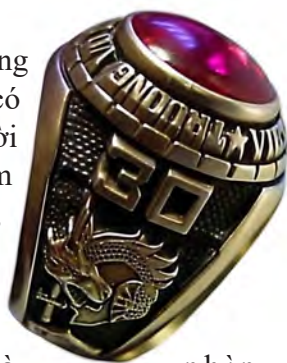
Trung Tá Cảnh Sát Quốc Gia Nguyễn Văn Long đã tự sát trước Quốc Hội VNCH (dưới chân Tượng Đài Thủy Quân Lục Chiến) lúc 4:30 chiều ngày 30 tháng Tư, 1975 để bảo toàn khí tiết.

Khi ông mất, ông còn mặc quân phục màu xanh của Cảnh Sát, cấp bậc trung tá trên cổ và nắp túi trên ngực in chữ Long.

NHÃN VÕ BỊ TRUYỀN THỐNG

*Minh-Nguyệt K17/1
(Nam Sinh Tín)*

Sáng hôm nay tôi đang ngồi thưởng thức nhạc thính phòng thì nghe có tiếng bấm chuông. Tôi đi ra mở cửa. Người đứng trước mắt tôi là Thu, cô hàng xóm ở nhà bên cạnh. Thu nhỏ hơn tôi ba tuổi, một người rất cởi mở, vui vẻ, và thích hoạt động. Chúng tôi quen nhau từ hồi Thu dọn đến khu vực này, nơi một giầy nhà nằm ở trên đồi, từ cửa sổ trong nhà



nhìn xuống, có thể thấy cảnh hồ và chung quanh có đồi núi cỏ cây xanh biếc như ở thành phố Đà Lạt. Cô có thú trồng cây và chăm sóc vườn hoa. Phía sau nhà của Thu có một cây nhãn rất cao và năm nay rất sai trái, nhìn mấy chùm nhãn trên cây thấy mê luôn. Cô sang nhà tôi để biếu một túi nhãn vừa mới hái.

Hôm nay là cuối tuần có thời giờ rảnh rỗi, tôi mời Thu vào nhà và chúng tôi ngồi tại phòng ăn để trò chuyện. Lúc cô trao túi nhãn cho tôi, tôi để ý thấy hai bàn tay của Thu, ngón tay nào cũng đeo nhẫn. Tôi ngạc nhiên vì từ trước đến giờ, tôi chỉ thấy Thu đeo găng tay làm vườn, nên tôi vội hỏi sao cô đeo nhiều nhẫn đẹp thế. Thu cười và cho tôi biết đó là sở thích

suu tầm nhẫn của mình. Thu muốn hàng ngày chiêm ngưỡng những chiếc nhẫn đã mua làm kỷ niệm từ những chuyến đi du lịch. Thu còn chia sẻ với tôi sự hiểu biết về nhẫn, và ý nghĩa của từng ngón tay đeo nhẫn như sau:

Tương truyền rằng chiếc nhẫn đầu tiên được xuất hiện tại nền văn minh Ai Cập cổ đại, cách đây khoảng 4800 năm trước Công Nguyên. Thời bấy giờ người dân sống dọc bờ sông Nin đã kết những sợi cỏ, gai dầu hoặc lau sậy xoắn vào nhau tạo thành những chiếc nhẫn nhỏ hoặc những vòng tay lớn để đeo và làm đẹp cho mình. Thời gian trôi từ thế kỷ này đến thế kỷ sau, và qua nhiều thời đại, nhẫn được làm bằng các kim loại như chì, bạc, đồng, vàng, có mẫu mực, và thường được gắn thêm ngọc (ruby), hạt trai, hay kim cương.

Sở thích mỗi người đeo nhẫn vào ngón tay nào là do quyết định của từng cá nhân. Đã có nhiều bài viết giải thích tương tự về ý nghĩa riêng của mỗi ngón tay đeo nhẫn.

- Trong tình yêu hay hôn nhân, nhẫn được đeo trên ngón áp út, thể hiện một tình yêu vĩnh cửu, cũng như thể hiện thái độ nghiêm chỉnh trong việc xây dựng mối quan hệ cùng lời hứa đi cùng nhau lâu dài.

- Ngón giữa nằm ở vị trí trung tâm trên bàn tay, đại diện cho cân bằng và ổn định trong mọi khía cạnh của cuộc sống. Đeo nhẫn trên ngón này tượng trưng cho niềm tin và hy vọng trong một cuộc sống an lành và hạnh phúc. Nó thể hiện mong muốn về sự ổn định trong mối quan hệ và thành công trong công việc.

- Đeo nhẫn trên ngón trỏ được nhìn nhận là thái độ tự tin, không khoan nhượng, có nhiệt huyết và khả năng lãnh đạo, mạnh mẽ tự quyết định, duy trì sự tự do và không bị ràng buộc bởi bất kỳ quy tắc nào.

- Đeo nhẫn trên ngón cái tượng trưng cho sự giàu có, quyết đoán, vì thế nhiều đàn ông rất thích đeo nhẫn ở ngón tay này. Nhiều người muốn đeo nhiều nhẫn trên một bàn tay cũng

thường lựa chọn ngón cái vì ngón tay tách biệt so với các ngón còn lại, không gây vướng víu, vướng mắt.

- Đeo nhẫn ngón út có ý nghĩa sâu sắc và đa dạng, phản ánh tính cách về tình bạn. Người đeo nhẫn thường được xem là người dí dỏm, hài hước, thẳng thắn và đầy tự tin, khéo léo và linh hoạt trong giao tiếp, với khả năng trò chuyện và tỉ mỉ trong công việc.

* * *

Nghe Thu giải thích về nhẫn và ý nghĩa của ngón tay đeo nhẫn, tôi thấy thú vị và chăm chú nghe vì tôi chưa bao giờ để ý đến. Hàng ngày, tôi chỉ thay đổi đeo một hai cái nhẫn thôi. Tôi luôn đeo nhẫn cưới ở ngón áp út. Tôi cũng đã diễn tả suy nghĩ của tôi về những chiếc nhẫn rằng:

Mỗi cá nhân có những chiếc nhẫn với những kỷ niệm đặc biệt khó quên. Mỗi chiếc nhẫn mang tình tiết khác nhau với tình cảm gắn bó và những kỷ niệm sâu sắc, để rồi những chiếc nhẫn đó nối tiếp nhau tồn tại trong đời người, mà đời người ví như một sợi dây chuyền đang đeo những chiếc nhẫn chan chứa tình yêu thương vĩnh cửu.

Thấy Thu có sở thích sưu tầm nhẫn, tôi đi đến gần kéo bàn trang điểm, lấy ra một chiếc nhẫn lớn nhất trong hộp, và hỏi cô xem có chiếc nhẫn như thế này không. Tôi khoe với Thu chiếc nhẫn này là Nhẫn Võ Bị Truyền Thống, rất quý đối với tôi vì là quà tặng của một Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Anh đã kể là do gia đình của anh đã tặng cho anh trong ngày Lễ Trao Nhẫn cho các SVSQ/ TVBQGVN



**Tác giả đứng bên trái trong
đêm Dạ Tiệc Đại Hội Võ Bị
XXIII, năm 2024.**

trong dịp mãn khóa. Thu ngắm nghía chiếc Nhẫn Võ Bị, và tấm tắc khen ngợi họa tiết sắc nét từng vảy rồng, kiếm, Huy Hiệu Trường Mệ và số Năm ra trường được khắc rất tinh xảo. Lúc đó, tôi chợt nhớ ra mấy câu thơ và đọc lên cho cô nghe:

*Gió lay cành lá đong đưa
Kỷ niệm còn đó người xưa đâu rồi
Tháng năm vẫn cứ êm trôi
Chiếc nhẫn Võ Bị một thời còn đây
Vòng nhẫn bất tận là giây
Tình yêu vĩnh cửu không lay chuyển lòng
Chiều về gió thổi bên song
Nhớ chàng Võ Bị nhớ Đông hẹn hò*

Nghe thơ xong, Thu dí dỏm hỏi tôi:

- Tên là Đông... hay mùa Đông... hả chị?

Tôi mỉm cười không trả lời. Thấy Thu vẫn cầm chiếc Nhẫn Võ Bị trên tay, tôi nói:

Chiếc nhẫn này nhỏ để đeo tay thôi. Chị sẽ cho em xem mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống.

Tôi mở điện thoại và khoe những hình ảnh đã chụp tại buổi Dạ Tiệc Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXIII được tổ chức vào ngày 16 tháng 6 năm 2024. Thu đã được xem hình ảnh của gia đình các Cựu Sinh Viên Sĩ Quan, các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, và các thân hữu, đứng trong lòng mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống. Thu tỏ lòng khâm phục người thiết kế mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống này.

Tôi đã kể cho Thu nghe người thiết kế là CSVSQ Trần Sinh Duyên K30 đã bỏ công sức thực hiện trong bốn, năm tháng, với mục đích trưng bày trong Đại Hội. Anh đã chở chiếc nhẫn này từ nhà tại Las Vegas, Nevada đến Đại Hội tại Quận Cam, Nam California. Vì không ước tính được sức gió mạnh thổi khi lái xe, anh đã phải nhiều lần dừng xe để buộc giây chặt lại. Để lắp ráp, anh đã tốn khoảng năm tiếng tại nhà hàng. Mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống đã được trưng bày ngay trong

nhà hàng, trông vĩ đại, rất đẹp, công phu, và khéo tay.

Chúng tôi đang vui vẻ vừa ăn nhâm vừa xem hình ảnh thì điện thoại của Thu reo, ông xã của cô gọi về để dự định lái xe đi thăm các bạn khác và biểu nhâm cho họ. Sau khi tiễn Thu ra cửa, tôi trở vào nhà, đem cất Nhẫn Võ Bị vào hộp, và tiếp tục xem những hình ảnh chụp hôm tham dự Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXIII, Đêm Truy Diệu, Lễ Chào Cờ, và Dạ Tiệc, trong ba ngày 14, 15 & 16 Tháng 6 năm 2024.

Cám ơn anh chị Trần Sinh Duyên K30 đã cho mọi người có dịp chụp ảnh cùng mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống. Vòng tròn của mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống đã thực sự gói trọn cả tâm tình Võ Bị, sự yêu thương lẫn niềm vui, tình gia đình, tình đồng môn, cũng như tình thân hữu trong buổi Dạ Tiệc Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu Kỳ Thứ XXIII. Chỉ còn hơn một năm nữa Đại Hội Toàn Cầu Kỳ Thứ XXIV sẽ được tổ chức, và tôi rất mong đợi sẽ lại có dịp chụp ảnh với mô hình Nhẫn Võ Bị Truyền Thống vĩ đại mà anh chị Trần Sinh Duyên K30 sẽ đích thân mang đến.

Nhân dịp Xuân Ất Tỵ 2025, kính chúc Đại Gia Đình Võ Bị, và quý Độc Giả được an khang, hạnh phúc, tài lộc, và thành công trên mọi lãnh vực.



*Anh chị Trần Sinh Duyên,
Khóa 30, người thiết kế mô
hình chiếc nhẫn Võ Bị.*

Giã Biệt Quê Nhà Thiếu Mẹ Đưa

Bích Lan, Khóa 19/1

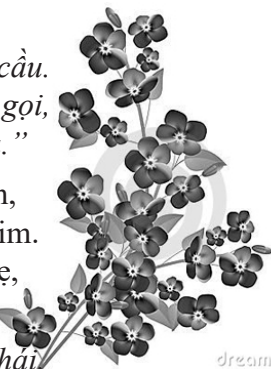
Mẹ ơi con đã về đây,
Ngõ xưa Mẹ đợi, giờ này Mẹ đâu?
Thì thảo, gió động vườn sau,
Tưởng như tiếng Mẹ: "Con mau Mẹ nhờ."

Xa cách nghìn trùng mới tới quê,
Con nghe sao khó bước chân về.
Chỉ xin bên Mẹ một lần nữa,
Mẹ ở đâu rồi Mẹ có nghe.

Mẹ ở đâu rồi Mẹ ở đâu,
Đêm đêm sao vắng tiếng kinh cầu.
Sáng không nghe được lời Mẹ gọi,
"Con hã con à, con dậy mau."

Dẫu biết dòng đời có tử sinh,
Sao con vẫn thấy nhói trong tim.
Nhìn lên ảnh Mẹ con gọi Mẹ,
Mẹ ở nơi nao con mãi tìm.

Guốc mộc Mẹ mang kia bên chái,
Sau Hè, đây vết đỏ bã trầu.
Áo bông mặc ấm, tìm hơi Mẹ,
Bóng Mẹ, khăn nhung Út trùm đầu.



dreamst

Xa tổ, đàn con về vắng Mẹ,
Nhớ quê, bầy cháu nhắc chuyện Bà.
Mẹ ơi chốn cũ không còn Mẹ,
Mẹ ở đâu rồi, đây dấu xưa.

*Giã biệt quê nhà thiếu Mẹ đưa,
Lối xưa có Mẹ tiến trong mưa.
Còn đâu hơi ấm vòng tay Mẹ,
Gió lạnh đường dài thiếu Mẹ đưa.*



Biệt Đội 817

Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù.

Trương Thành Minh, K28

Vâng! Chúng tôi thuộc Biệt Đội 817 của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, một biệt đội tân lập để nhằm đáp ứng nhu cầu chiến trường thật sôi động vào những ngày cuối tháng Tư đen.

NHẬN ĐƠN VỊ.

Sau lễ ra trường vội vã tại căn cứ Long Thành, tôi và một số anh em Khoá 28 và 29 Trường Võ Bị, những người trai trẻ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm, đã chọn bộ đồ dù với chiếc nón xanh ngạo nghễ làm chiến y. Nếu ai hỏi tôi rằng cái gì để tôi chọn binh chủng oai hùng đó, tôi sẽ trả lời bằng hai câu thơ cảm khái của một nữ sinh ở chiến trường đầm máu An Lộc:

*An Lộc địa, sử lưu chiến tích,
Biệt Cách Dù, vị quốc vong thân.*

Tuổi trẻ là vậy đó. Thêm khát được xông pha vào lửa đạn chiến trường, sau gần bốn năm trui rèn gian khổ mong được thử lửa, thêm với bầu máu nóng của tuổi trẻ muốn bảo quốc an dân, chúng tôi đã xông pha vào trận chiến với hành trang thật đầy đủ từ tinh thần, thể lực lẫn trí tuệ của một sĩ quan Đa Hiệu.

Ngoài ra, trên vai chúng tôi còn cả một truyền thống oai hùng của các bậc đàn anh. Ôi! Kể sao cho hết lòng tự tin, hăng say, náo nức của ngày đầu tiên tôi được khoác lên mình bộ quân phục mà tôi hằng ao ước

Sau khi cùng anh em trình diện Trung Tá Thông ở Bộ Tư Lệnh Tiền Phương 2 Suối Máu; tôi và Xuân, có dáng người cao, đen, đẹp trai của Khóa 29, được phân phối ngay về Biệt Động 817 do Đại Úy Lực chỉ huy, mà không một ngày giờ phép.

Tôi cũng xin tóm gọn qua về cách phối trí đơn vị và danh xưng trong liên đoàn, do hiểu biết hạn hẹp và cũng để bảo mật cho đơn vị đặc biệt này. Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn là Đại Tá Huân. Hậu cứ của Liên Đoàn đóng ở An Sương, Hóc Môn, cùng hai Bộ Tư Lệnh Tiền Phương đặc nhiệm cho từng vùng hoạt động. Dưới quyền của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương là những Biệt Động. Biệt Động có quân số cấp đại đội, lúc nào cũng được bổ sung thật đầy đủ, và được chia ra làm ba trung đội Xung Kích, một trung đội Thám Kịch và một trung đội Súng Nặng. Sau đó, các trung đội được chia thành Toán và Tổ. Khi hành quân, các trung đội Xung Kích thường đánh trực diện và trung đội Thám Kịch được phân phối thành sáu toán để nhảy thăm dò, đột kích, tìm diệt, thu thập tin tức, hay hoa nỏ trong lòng địch. Biệt Động được yểm trợ đặc biệt như một tiểu đoàn khi hành quân.

Đại Úy Lực là một người chỉ huy dày dạn và bình tĩnh. Sau khi chúng tôi chào trình diện, ông chỉ nói vồn vện “Chào hai anh”, rồi lặng yên nhìn hai đứa tôi như dò xét khả năng. Tuy nhiên, chúng tôi như một cặp gà nòi ể ố, đứng lặng yên chờ nhận nhiệm vụ, không chút bồn chồn, dù trong lòng có chút bồn khoăn.

Sau khi yên lặng soi vảy và xem giò cẳng, Đại Úy Lực từ từ nói:

- “Biệt Động cần một Trung Đội Trưởng Súng Nặng và một Trưởng Toán Thám Kịch, hai anh chọn cái nào.”

Xuân, Khóa 29 e dè nhìn qua tôi. Bắt gặp cái nhìn của Xuân, tôi hiểu rằng, “Em muốn nhường anh”. Tôi không ngần ngại, bước lên một bước, đưa tay lên chào và đồng dặc nói:

- “Tôi nhận Trưởng Toán Thám Kịch.”

Quả thật cái gì đã in sâu trong tôi. Đó là Truyền Thống và Tinh Anh Em. Em nhường Anh và Anh gánh vác hiểm nguy cho Em... Cùng lúc đó trong đầu tôi thoáng qua hình ảnh người tôi yêu với đôi mắt sâu thẳm đang chờ.

Sau thủ tục giấy tờ và giới thiệu sơ qua về đơn vị do một sĩ quan khác đảm nhiệm, hai đứa tôi được đi ăn bữa tối đầu tiên của đời lính thật sự trong căn lều lớn có những lớp bao cát dày che chở chung quanh.

Trên đường đi, Xuân lo ngại hỏi tôi:

- “Làm sao đây Niên Trưởng? Tôi quên hết rồi, Niên Trưởng chỉ tôi với.”

Tôi trấn an Xuân:

- “Ông đừng lo, chỉ cần ông định điểm đứng và chấm tọa độ cho chính xác là đủ. Tụi nó sẽ làm hết cho ông.”

Xuân vẫn còn lo ngại nói tiếp:

- “Tối nay tôi qua hỏi thêm Niên Trưởng vài chuyện.”

Tôi gật đầu không nói thêm, khi có vài người lính đi lại gần.

Giờ đây, trong đầu tôi là một nỗi ưu tư luôn ám ảnh là làm sao để được những người lính gan lì đã từng vào sinh ra tử này cảm phục về bản lĩnh và kiên thức của tôi đã sẵn sàng để chỉ huy họ?

Buổi tối hẹn với Xuân không bao giờ đến, vì sau bữa cơm chiều, chúng tôi đã nhận được lệnh hành quân cấp tốc vào sáng sớm ngày hôm sau.

VÀO VÙNG TRÁCH NHIỆM.

Biệt Đội chúng tôi được chuyển vận về sân vận động quận Nhất ở bên hông bộ Tổng Tham Mưu đúng vào ngày 23 tháng Tư của năm định mệnh 1975.

Trên đường về Sài Gòn, ngang qua đại lộ Phan Thanh Giản, chúng tôi đã nhìn thấy những căn cứ phòng thủ được vôi vàng thiết lập dọc hai bên đường, nhưng thủ đô vẫn còn ngơ ngác, chưa sẵn sàng cho một cuộc phòng thủ qui mô rộng lớn trong chiến tranh. Dân chúng hốt hoảng, sợ VC, theo về phía quân đội Quốc Gia, nhưng họ vẫn giữ thái độ thụ động, xem cuộc chiến chống lại VC là công việc của Quân Đội VNCH. Người dân chỉ đóng vai trò như một cổ động viên trong một trận tranh tài thể thao không hơn không kém. Những căn cứ phòng thủ được thiết lập lẻ loi trơ trọi, không kết hợp được với địa hình bao quát chung quanh, chưa tạo được liên kết chặt chẽ cần thiết giữa dân và quân, cũng như giữa những đơn vị chính qui và địa phương cho một phòng tuyến liên hợp cần thiết khi chiến tranh đã đi vào thành phố...

Nhìn những lô cốt bằng bao cát cô đơn hai bên xa lộ và quan sát những tòa nhà cao ốc chung quanh không được phòng thủ thích nghi, tôi lo ngại cho an toàn bền vững của những chốt canh gác này. Chúng sẽ là miếng mồi béo bở của một trái B40 hay cối 61 của một toán đặc công vô danh nào đó len lỏi vào các tòa cao ốc, trước khi xe tăng hay lực lượng chính qui CSBV tiến chiếm trận địa.

Tôi suy nghĩ băng quơ được một lúc thì đoàn xe đã đến ngã tư Công Lý và quẹo phải để chạy về hướng Bộ Tổng Tham Mưu. Đến đây, chúng tôi phải chạy chậm lại vì dân hai bên đường di chuyển hỗn loạn khác thường. Một số đã nhận ra chúng tôi và bắt đầu hô lên “Biệt Cách Dù về! Biệt Cách Dù về!” Làn sóng âm thanh ấy từ từ rộ lên, nhịp nhàng lẫn át cả mọi tiếng động ồn ào trong thành phố và rồi toả rộng ngân vang. Tiến nói ”Biệt Cách Dù về! Biệt Cách Dù về! Biệt Cách Dù về!” hoà với tiếng vỗ tay cách nhịp của các em thiếu niên. Trên khuôn mặt hốt hoảng của những người dân đã dấy lên

ánh mắt loé sáng của niềm tin. Vâng! Chúng tôi, những người lính của chiến trường đầm máu, đã về thành phố. Bất giác, tay tôi nắm chặt lại, nhìn gương mặt của những người lính vốn đã gan lì nay lại rạng ngời lên ánh mắt cương quyết. Trong lòng chúng tôi như cùng thâm nguyện lời hứa Kinh Kha.

Đơn vị đồ quân xuống sân vận động Quận Nhất. Sau khi bố trí canh gác phòng thủ, các sĩ quan trong Biệt Đội được lệnh họp để nghe thuyết trình. Sau khi mô tả sơ lược ngắn gọn về tình hình và nhiệm vụ, một Trung Tá từ Bộ Tổng Tham Mưu phái đến đồng dạc nói:

- “Các anh là đơn vị cuối cùng được cấp trên tin tưởng đưa về đây phòng thủ Bộ Tổng Tham Mưu. Chúng tôi tin rằng đơn vị các anh không phụ lòng tin đó.”

Sau lời phát biểu ngắn gọn hàm chứa ý nghĩa ủy thác, ông ta vội lên xe jeep ra đi. Về đơn vị mình, tôi bắt đầu làm quen với những người lính chai lỳ có gương mặt lạnh lùng u uất, chỉ có trên mặt những người đã từng về từ cõi chết. Quả thật họ là những người đáng gờm, những người lính lạnh lùng ít nói này sẽ găm lên như hồ dữ khi chạm trán địch quân.

Chiều hôm đó, chúng tôi được cấp phát mỗi người một bộ quân phục của cán binh VC và được huấn luyện sơ qua về các hoạt động trà trộn trong lòng địch cùng cách xung hô địch quân thường gọi nhau trong đơn vị. Mãi sau này, tôi mới biết cấp trên đã dự trù một kế hoạch rút vào rừng và tiếp tục chiến đấu nếu Sài Gòn thất thủ. Sau đó, sĩ quan và các trưởng toán được phát một bản đồ Quân Sự của Sài Gòn.

Đơn vị đóng quân hai ngày đêm trong sân vận động để dưỡng quân, huấn luyện, và cũng để các binh lính và sĩ quan làm quen với đơn vị mới. Sáng ngày 26/04/75, theo từng vùng trách nhiệm đã phân định sẵn, chúng tôi âm thầm rải quân trấn ngự các địa điểm trọng yếu. Toán Thám Kịch do tôi chỉ huy trấn đóng nhà thương Cơ Đốc lúc bấy giờ còn đang xây cất dở dang và một dãy cao ốc đối diện.

Đã được chỉ thị từ trước, tôi cho anh Trung Sĩ Toán Phó chọn hai người lính có kinh nghiệm xử dụng M72, thiết lập hai tổ chống xe tăng di động trải dài dọc theo bờ rào bằng gạch táp lô (concrete block) nằm cạnh lề đường. Một tổ khác nằm trên cao ốc đối diện. Tôi theo tổ thứ tư đóng ở nhà thương Cơ Đốc.



Xe tăng T54 bị bắn cháy tại Ngã Tư Bảy Hiền, Sài Gòn ngày 30 Tháng Tư, 1975.

Phối trí đơn vị xong thì trời cũng đã đứng bóng. Trong lòng tôi đầy ắp những lo âu và căng thẳng tột cùng. Giấc vào Đô Thành dân chúng sẽ ra sao. Đánh giặc trong thành phố thật là điều mới mẻ trong kiến thức quân sự nhỏ bé của mình. Từ cao ốc nhìn xuống những dãy phố chung quanh, tôi tưởng như những dãy đồi trùng điệp với những địa đạo bí hiểm bên trong. Trong đầu tôi loé lên kế hoạch xử dụng những toán trẻ đưa tin như Huân Tước Baden Powell (ông tổ của Phong trào Hướng đạo) để chống lại xâm nhập bằng đặc công của địch. Tôi lịm người thiếp đi trên vai người hạ sĩ mang máy PRC25, với giấc mơ tuổi thơ của những trò chơi lớn. Những đêm mất ngủ lo âu đã kéo đôi mi tôi sụp xuống.

TÌNH QUÂN DÂN:

Tôi giật mình tỉnh giấc vì những tiếng rè rè của PRC 25 từ

Tổ 1 gọi lại:

- K A, đây Hắc Báo! Nghe rõ trả lời?

- 5/5. Tôi đáp.

- “Có hai con tôm đang bò lại. Nghe rõ trả lời?”

Tôi hoang mang với danh từ mới mẻ này. Cua là tăng của địch, én hay chuồn chuồn là các loại phi cơ, còn tôm... Tôi đảo mắt nhìn xuống mặt đường. Hai chiếc xích lô đang đậu lại, trên mỗi xe là một giỏ cần xé đầy được bao phủ bằng đệm, không biết cái gì bên trong. Tôi giật mình thét lên, “coi chừng!” rồi nhảy từ lầu một xuống một đụn cát bên dưới. Người hạ sĩ mang máy cũng nhảy theo. Toán Phó H. đã nhanh chóng dẫn tổ ba người của anh tràn lên mặt đường, phối hợp với tổ trực đang gác trên đường để cô lập khu vực, một mặt canh gác những chiếc xích lô, một mặt chặn đứng giao thông. Tôi đích thân gọi các toán trưởng khác cùng lên máy. Một người đàn bà ăn mặc bình dân từ sau giỏ cần xé của chiếc xích lô bước xuống với vẻ ngạc nhiên lẫn hốt hoảng:

- ”Tôi đem đồ ăn tối cho lính mình mà.”

Trung Sĩ Nhất H. quay nhìn tôi chờ lệnh.

Thấy hơi quê với đàn em, tôi làm như tay sành điệu, đưa bàn tay phải ra, chụm năm đầu ngón tay lại rồi dùng ngón chỉ của tay kia chạm vào chụm tay nọ rồi bung năm đầu ngón tay ra (*hiệu lệnh lục soát tôi mới học lóm được*). H. hiểu ý, bảo một lính dưới quyền trải tấm poncho mỏng bên lề đường (*đời lính ăn ngủ và hy sinh gói trọn trong tấm poncho*).

Người đàn bà cùng hai người đạp xích lô lần lượt chất thịt chả và bánh mì xuống poncho rồi tất tả cùng đạp đi như sợ người khác nhận diện, mà không kịp nhận một lời cảm ơn. Tôi giao cho H. giải quyết mọi việc, không quên nhắc anh ta chia đều cho các toán khác và “cúng đường” Ban Chỉ Huy Biệt đội.

Bữa cơm trưa thật ngon miệng, những lát thịt chả thơm ngon lạ lùng sau một tuần lễ gạo sây, cá hộp làm ấm cả lòng

người (*Ration C chỉ còn là huyền thoại*). Nhìn khuôn mặt những người lính tươi lên, có lẽ họ cũng thấy ấm lòng như tôi và tay súng của họ sẽ ghì chặt thêm trong trận chiến.

Trời dần về chiều. Những tin tức bất lợi dồn dập đưa tới, tiếng nổ xa gần của đại pháo không làm tôi quan tâm đến nữa. Những chiếc xe buýt chật cứng người được Mỹ cho đặc ân di tản đang chạy về hướng Tân Sơn Nhất, báo trước quyết định chạy làng của cái gọi là “Đồng Minh”. Chúng tôi chỉ chặn xe lại xem xét giấy tờ và tịch thu tất cả vũ khí trên xe, phòng ngừa rối loạn có thể xảy ra.

Họ ra đi cho bản thân riêng, chúng tôi ở lại vì nhiệm vụ chung của người lính cho đến giờ phút cuối, không mảy may than phiền thất mắc.

Tôi đến trong căng thẳng. Sau bữa cơm chiều, tôi ra lệnh cho các tổ giữ vững cách phối trí nhưng thay đổi vị trí để ngừa đặc công. Tổ chỉ huy của tôi di chuyển qua bên kia đường đóng trên một cao ốc. Khuya hôm đó, H. Toán Phó chuyển tay đến tôi một chai Johny Walker với hàng chữ thật dễ thương ghi bên ngoài:

- “Tặng các anh.”

Chúng tôi chuyển tay nhau hết chai, đổ mắt lên chờ sáng.

NGAO DU SÀI GÒN.

Hôm nay đã là Ngày 29, tám ngày mang chiếc lon Thiếu Úy mới toanh trên cổ áo với những nhiệm vụ thật mới lạ và bất ngờ không có trong binh thư. Tôi cũng đã quen dần với đời sống lính rừng trong thành phố. Suốt gần bốn năm quân trường, có bao giờ tôi nghĩ đến tình cảnh ngộ nghĩnh như thế này. Đường đường một đơn vị lính trận mà phải chia nhau đứng gác đường như những anh chàng Cảnh Sát bạn dân không bằng. Thật rõ chán, lòng tôi lại nóng như lửa đốt vì những tin tức bất lợi dồn dập đưa đến không ngừng qua các đài phát thanh. Đất nước tan hoang, gia đình di tản không nơi

ăn chón ở.

Người yêu duy nhất của tôi lúc bấy giờ đã một lần đến thăm tôi, nắm tay để nói lời từ biệt. Nàng muốn ra đi với một ông lớn nào đó trong Bộ Dân Vận Chiêu hồi, nơi nàng đang làm việc. Lòng tôi thật rối như tơ vò nhưng ngoài mặt vẫn lạnh như băng.

Tội nghiệp những người lính đang trông chờ tất cả vào tôi, họ nhìn thẳng vào mắt tôi mỗi khi có biến động dầu chỉ là tiếng nổ của đạn pháo xa xa.

Quả thật phòng thủ không phải là sở trường của một đơn vị đầy tính chất linh hoạt như thế này. Chúng tôi bắt đầu cảm thấy mình như những con vật nửa người, nửa ngợm. Bộ đồ dù này chỉ đẹp trong những buổi sớm chiều trong rừng già trùng điệp, hay trên bãi chiến trường khét mùi thuốc súng.

Ngày 29 trôi qua thật nhàm chán, thỉnh thoảng chỉ nghe vài tràng liên thanh nhỏ, không khí ngột ngạt, một không khí yên lặng ngấm ngấm ghê rợn. Lệnh từ thủ vẫn được nhấn mạnh từ Bộ Tư lệnh Tiền Phương. Trong ánh mắt những người lính gan lì đã thoáng lên nỗi chán nản. Tôi chợt nghĩ ra một cách để giải khuây, “Hai tiếng đồng hồ phép cho tất cả mọi người”. Một quyết định thật táo bạo trong tình cảnh lúc bấy giờ, nhưng không biết tại sao tôi lại tin tưởng hoàn toàn ở những người lính chịu chơi này.

Tôi im lặng phối trí lại các tổ tam đầu chế, mỗi tổ có một người biết đường đi nước bước ở Sài Gòn. Đúng tám giờ tối, tôi cho tổ đầu tiên âm thầm lên trình diện.

Tôi ra lệnh ngắn gọn:

- “Tao cho tụi bay đi chơi, đúng hai tiếng. Mỗi đứa chỉ được mang theo một trái mini, súng đạn để hết lại đây, thằng tổ trưởng giữ cây P38 này của tao nghe. Đi về cho đúng giờ để thằng khác còn đi. Nhớ cẩn thận.”

Đầu tiên là ngạc nhiên và sau đó là những nụ cười sáng rỡ,

hồn lính thật ngây thơ. Một tiếng dạ ngắn rồi ba chàng Ngự Lâm biến mất trong màn đêm. Tôi bắt đầu lo âu chờ đợi... Họ đã trở về đầy đủ, đúng giờ với những nụ cười hồn nhiên pha một chút bẽn lèn khi nghe tôi hỏi:

- “Dzui không tụi bay?”

Khi các tổ đã về đầy đủ, tôi cũng tự cho phép tôi mượn chiếc Honda, chạy vội về thăm gia đình đang tạm trú ở nhà người quen gần đó sau khi di tản từ Qui Nhơn. Tôi chỉ kịp ôm hôn Mẹ tôi, trấn an Bà vài câu rồi vội vã ra đi, mang theo ánh mắt luyến lưu chịu đựng của một bà Mẹ Việt Nam tiễn con đi trong những giờ phút cuối.

ĐÔI CO TRÊN LỬA ĐÓT.

Khoảng năm giờ rạng sáng ngày 30 Tháng Tư, toán thám kích chúng tôi như một chú sư tử ngái ngủ trong cũi sắt giữa một thành phố bỏ hoang. Bỗng nhiên tiếng gầm của đại pháo và súng chống xe tăng vang lên dữ dội từ hướng Lăng Cha Cả, cùng lúc tiếng rè rè của máy PRC25 vang lên. Tôi vươn mình chụp vội cần liên hợp, không kịp chờ anh hạ sĩ mang máy, lệnh chuẩn bị hành quân từ Đại Ủy Biệt Đội Trưởng.

Qua đối thoại ngắn ngủi, tôi biết rằng Biệt Đội đang chặn đứng một đoàn xe tăng của CSBV, không rõ bao nhiêu chiếc và đã nung được bốn con. Chúng tôi được lệnh chuẩn bị thật nhẹ để nhảy chân chim (*một lối nhảy trải mỏng từng tổ một và thay đổi vị trí liên tục để gây hoang mang trên đường tiến của địch quân*). Khu vực và phương tiện sẽ được chỉ định sau.

Tôi ra lệnh cho thuộc cấp chỉ mang theo những trang bị nhẹ nhàng nhất và chuẩn bị tinh thần cho những trận cận chiến và chống tăng. Vài người lính rút chiếc dao găm ra ngắm, liếc nhẹ vào nòng súng vài cái, đút lại vào bao rồi vỗ mạnh. Tôi biết họ đã sẵn sàng và thật điệu nghệ. Có người còn nhỏ một bãi nước bọt vào nòng súng, có lẽ vì một thói quen cố hữu.

Chúng tôi nóng lòng đợi chờ lệnh hành quân như những con ngựa chiến bị ghìm cương, mắt trợn trừng lồng lộn. Bọn

bè cùng đơn vị chúng tôi đang sống chết với giặc ngoài kia, sao chúng tôi đành ôm vó đợi chờ vô tích sự. Tôi như một chàng trai tân đang chờ đợi cuộc hẹn đầu đời với con gái của Ma Vương.

Cái đợi chờ làm tôi bồn chồn nóng nảy lẫn lo âu như một chú cá đang bị nướng sống trên lò lửa nóng. Mắt tôi đỏ gù, hơi thở dồn dập, mặt tê dại đi không còn cảm giác. Tôi cắn chặt hàm răng, cố thở thật sâu để nén đi cảm xúc của mình rồi lờ mắt nhìn thẳng vào mặt của từng người lính. Bất giác, tôi chửi thề lớn tiếng:

- “ĐM. tao như đứng trên lửa...”

Cứ thế, thời gian trôi qua như thử thách sự dẻo dai của những dây thần kinh đang căng thẳng đến cùng cực. Để đốt thời gian, trấn an tinh thần lính, tôi trải rộng tấm bản đồ, định hướng chính xác, rồi gọi các tổ trưởng đến phân tách và giải thích từng cứ điểm quan trọng trong vùng.

Tuy sẵn sàng nhưng chúng tôi vẫn duy trì nhiệm vụ của mình trong vùng trách nhiệm, các tổ vẫn thay phiên nhau cho người đứng gác đường, chúng tỏ sự có mặt của mình để duy trì trật tự. Đang trong tình thế căng thẳng đó, một sự kiện buồn cười nhưng cảm động xảy đến làm tôi nhớ mãi.

Người đứng gác đường lúc bấy giờ là một anh trung sĩ tổ trưởng với bộ quân phục đẹp nhất mà anh có được trong túi quân trang. Bỗng nhiên, có chiếc cyclo đậu xích lại sát bên anh, mọi người đều giật mình chưa kịp phản ứng thì một cô gái trẻ ăn mặc diêm dúa nhảy ra. Cô ta cười toe toét, ăn nói líu lo rồi rút ra một xấp tiền dúi vào tay anh chàng trung sĩ trẻ. Anh ta đẩy tay cô này ra, nhìn về hướng tôi có vẻ lo lắng vì tôi rất nghiêm ngặt trong nhiệm vụ đứng gác này. Sau một hồi đôi co, cô gái tìm cách dúi đại tiền vào túi quần trận của anh trung sĩ rồi leo lên cyclo chạy đi mất.

Tôi ra lệnh cho người khác lên thay gác, kêu anh chàng này đến chần chỉnh để làm gương. Anh trung sĩ này chỉ biết gãi

đầu bút tai rồi phân trần với giọng đặc sệt miền Nam:

- “Hồi hôm, Trung Ủy cho tụi em đi chơi (lại lên lon), em quầm con nhỏ này, tiền bạc đang hoang. Sáng nay ngang qua đây, nhận ra mặt em đứng gác, nó tội nghiệp, nặng nề đòi trả tiền lại cho được.”

Tôi mỉm cười trong bụng, ra lệnh anh ta quay lưng lại, đá nhẹ một cái vào đít cảm thông. Anh ta xoay người chào tôi với nụ cười trên khoé mắt rồi vội vàng chạy đi thi hành tiếp nhiệm vụ canh gác đang được tạm thời thay thế.

NGƯỜI LÍNH MANG MÁY.

Lúc bấy giờ đã hơn 10 giờ 30 phút trưa Ngày 30, lệnh tử thủ vẫn được duy trì, lệnh hành quân tôi vẫn đang chờ đợi mặc dù trên đài phát thanh, dù Tướng Minh đã tuyên bố và kêu gọi đầu hàng. Chúng tôi, những người lính, chỉ biết tuân lệnh cấp chỉ huy trực tiếp của mình. Tôi thấy được trong ánh mắt lính nổi hoang mang, trong lòng tôi cũng tự đặt câu hỏi không biết phải làm gì.

Tuy tôi đã quá mệt mỏi vì đợi chờ trong lo âu kéo dài, nhưng tinh thần trách nhiệm trong tôi vẫn còn tỉnh thức. Mạng sống của thuộc cấp và an toàn ổn định của người dân trong khu vực trách nhiệm lúc bấy giờ là mối quan tâm chính yếu của tôi.

Trên vai trái hai khẩu M72, trong túi áo bốn trái mini, vai phải là cây M16 với cấp số đạn đầy đủ trong túi quần, giắt khẩu P38 ngắn nòng vào dây nịt dưới chiếc áo bốn túi, tôi cố gắng tạo cho mình một dáng đi chừng chạc bình tĩnh dẫn anh hạ sĩ mang máy đi một vòng thăm hỏi nói chuyện với từng người lính. Tinh thần họ hơi xao động vì không biết việc gì sẽ xảy ra, nhưng những người lính gan lì này vẫn quyết tâm sát cánh bên tôi cho đến giờ phút cuối. Thật không hổ danh là những con cọp biết nhảy dù. Không biết tôi trấn an họ, hay chính họ đã làm lòng tôi ấm lại và vững vàng hơn.

Tôi biết rằng một sơ xảy của tôi trong lúc này có thể đưa đến cái chết thật oan uổng cho những người lính quả cảm trung thành ấy. Chúng tôi như keo sơn sống chết có nhau, quan cũng như lính, hiểm nguy được chia xẻ thật công bằng trong những đơn vị nhảy toán này. Đây đã là giờ thứ 25, tất cả đều im lặng vô tuyến. Tôi rút một hơi thuốc lá cuối cùng, rồi dùng ngón tay bóp nát đóm thuốc lúc nào không biết. Mãi lo nghĩ đến an nguy của thuộc cấp, tôi quên hẳn đi thân phận của chính mình.

Đang suy nghĩ vẩn vơ, bỗng nhiên, tôi thấy một chiếc Pò Giô 404 màu trắng bóng loáng trắng rít cạnh lề đường, gần chỗ tôi đang đứng. Một người đàn bà đứng tuổi, ăn mặc sang trọng xuống xe, chạy vội lại ôm chầm lấy người hạ sĩ mang máy, bù lu bù loa:

- Con ơi con! Sao giờ này con còn ở đây con? Về với má đi con.

Trong tình cảnh này, tôi không biết phải làm gì, có nên giữ anh ta ở lại đơn vị trong giờ phút thứ 25 này không? Suy nghĩ thoáng nhanh trong đầu, tôi vội bước lui vài bước, quay đi hướng khác, để tùy anh ta định đoạt. Qua ánh nắng đỏ nghiêng, tôi thấy bóng anh ta quay lại phía tôi im lặng hồi lâu, rồi với giọng trầm buồn nhưng quả quyết:

- Má về đi, con ở lại với Thiếu Úy à.

Tôi bất giác quay lại nhìn anh, nén vội dòng lệ đang trào dâng lên mắt. Tinh đồng đội, tinh thần trách nhiệm hay khí phách của một người trai đã giữ anh ở lại với chúng tôi trong những giờ phút cuối cùng tuyệt vọng đó. Đơn giản quá một câu trả lời ngắn ngủi, nhưng nó hàm chứa tâm tình của một hào kiệt, và tâm tình đó không thiếu trong đơn vị dù mũ xanh này.

Người Mẹ không biết làm gì, quay lại phía tôi với ánh mắt nhìn cầu cứu. Một lần nữa tôi lại phải ngoảnh mặt để tránh đi một hoàn cảnh ngỡ ngàng khó xử. Trong đầu tôi thoáng hiện

lên hình ảnh luyện lưu chịu đựng của Mẹ tôi đêm hôm trước.

- Thôi, Mẹ về. Con nhớ lời Mẹ dặn.

Bà chỉ nói được bao nhiêu, rồi ôm chầm lấy con thổn thức. Người lính mang máy giờ đây đứng thẳng người, hai tay trong túi quần trận, đầu ngẩng cao, răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra. Trông anh vững vàng như một cây cổ thụ đang cố đè nén những cơn bão táp phong ba dữ dội trong lòng.

Người Mẹ sau đó lau vội nước mắt, đi chậm chậm về hướng chiếc xe. Tôi đưa mắt ra hiệu cho anh Trung Sĩ Toán Phó đang ở gần đó đến mở cửa đứng chờ. Bà lẳng lặng bước lên xe nổ máy, ngòai nhìn con một lúc rồi từ từ lái xe đi sau khi quay lại đón nhận cái gập mình cúi đầu chào tôn kính của tôi.

Quả cảm thay người lính, bao la thay lòng hy sinh của người Mẹ trong chiến tranh! Lòng tôi chạnh lại dưới ánh nắng đã dọi của Sài Gòn trong ngày tàn cuộc.

ĐM. NÓ, ĐẦU HÀNG RỒI!

Lòng bàng hoàng xúc động về lòng trung thành của anh hạ sĩ mang máy đối với đơn vị, tôi ngẩn ngơ đứng lặng người, nhìn băng quơ lên bầu trời ám khói hanh vàng. Lúc bấy giờ đã gần 11 giờ, dân chúng di chuyển tấp nập, thỉnh thoảng họ lên đưa ánh mắt ái ngại nhìn về phía chúng tôi. Họ đang nghĩ gì về chúng tôi? Những nhân chứng của chiến tranh, hình ảnh hào hùng đã trôi vào quá khứ, hay những hình nộm được trưng bày không đúng thời, hợp lúc. Mặc cho những suy nghĩ thị phi, chúng tôi vẫn chu toàn nhiệm vụ của mình trong vùng trách nhiệm: Bảo vệ mạng sống của binh sĩ dưới quyền và an toàn ổn định của người dân cho đến khi có lệnh mới. Một tràng M16 nổ dồn tan kéo tôi ra khỏi những suy nghĩ vẩn vơ, tiếp theo là tiếng thét thất thanh phần vọt:

- "ĐM. nó, đầu hàng rồi! ĐM. nó, đầu hàng rồi!

Một toán lính Dù gồm một người có vẻ là cấp chỉ huy và ba người lính xuất hiện ở ngã ba cuối phố. Họ di chuyển về phía

chúng tôi không được bình tĩnh. Tỉnh thoảng, người chỉ huy bắn một tràng M16 rồi lại thét lên:

- “ĐM. nó! Đầu hàng rồi.”

Trên vai anh, một dòng máu chảy dài xuống cánh tay còn nhỏ giọt. Ba người lính với khuôn mặt đanh lại lạnh lùng im lặng đi theo bảo vệ.

Tôi ra dấu cho thuộc cấp giữ ổn định tại vị trí của mình. Chúng tôi đã dùng áp lực tước vũ khí nhiều toán quân lẻ tẻ không tổ chức khi họ qua phòng tuyến của chúng tôi để vào Sài Gòn nhằm tránh những hỗn loạn đáng tiếc trong thành phố. Nhưng đây là một trường hợp thật nguy hiểm và khó khăn.

Chúng tôi tôn trọng những người anh em lính Dù mũ đỏ này với những chiến công lừng lẫy. Nhìn tình đồng đội của họ trong hoàn cảnh tuyệt vọng hiện nay cũng đủ thấy tinh thần và hiệu quả chiến đấu của họ như thế nào khi lâm chiến. Làm sao đây để chặn đứng những hành động nguy hiểm chết người có thể xảy ra bất cứ lúc nào trong cơn cuồng nộ phần uất ấy. Một suy nghĩ táo bạo thoáng qua trong đầu, tôi lột chiếc nón sắt đưa cho một thuộc cấp, gác hai khẩu M72 bên vệ đường, rút trong túi áo ra chiếc nón xanh của binh chủng đội lên đầu, mang cây M16 trên vai, khoát tay ra dấu cho thuộc cấp cùng đứng lên, rồi với thái độ bình tĩnh ung dung, tôi dẫn anh Hạ Sĩ mang máy chậm bước đến vị trí người lính đang đứng gác giữa đường. Một tràng M16 nữa lại nổ vang, toán lính Dù này chỉ còn cách chúng tôi khoảng 30 thước, và vẫn chưa nhận thấy sự hiện diện của chúng tôi. Họ tiến gần chúng tôi khoảng 20 thước nữa, một tràng đạn chỉ thiên lại nổ dòn trên không. Tôi hít một hơi thở sâu, dùng hết sức thét lên ”N-G-H-I-Ê-M“.

Đúng là Lính. Họ giật mình dừng lại nhìn quanh. Thấy chúng tôi với quân trang và vũ khí đầy đủ, có lẽ cảm thấy ấm lòng trong vùng kiểm soát của một đơn vị bạn, họ dừng chân và hơi bình tĩnh trở lại. Chúng tôi nhìn nhau, chung bộ đồ

Dù, một là chiếc nón đỏ với những trận chiến vang danh, một là chiếc nón xanh với những hoạt động biệt cách đờm lược. Tôi tiến đến bắt tay anh, người chỉ huy toán lính Dù quả cảm. Chúng tôi im lặng nhìn nhau, anh vẫn còn thì thào:

- “ĐM. nó!.....”

Tôi đích thân đưa anh vào một căn bô trống trong tòa cao ốc, kêu Toán Phó băng bó vết thương ở vai và lưng cho anh rồi vội vã bỏ ra ngoài sau khi đưa cho anh chiếc áo dù còn mới toanh của tôi để thay chiếc áo đã bết máu khô. Ba người lính Dù vẫn lặng lẽ bám theo anh không rời một bước. Tôi không nhớ anh mang cấp bậc nào, nhưng chỉ biết toán lính Dù này rút về đây khi trại Hoàng Hoa Thám đã hoàn toàn thất thủ. Sau khi chuyện trò thuyết phục, họ đã đồng ý ở lại với chúng tôi và trở thành một tổ mới trong toán. Về sau toán lính Dù này đã theo chúng tôi cho đến tọa độ cuối cùng.

TỌA ĐỘ CUỐI CÙNG.

Thời gian như dừng lại, cái nặng âm đạm của Sài Gòn như chuyên chở tâm tư tôi trở về với những thực tại phũ phàng. Sụp đổ rồi ư những hoài bão ước mơ vã trời ngang dọc? Có làm được gì không trong cơn tuyệt vọng cùng đường này? Đầu óc tôi trống không mù mẫm. Cỗ họng tôi khô quánh lại. Những người lính của tôi dễ thương và tội nghiệp quá, làm sao để bảo vệ mạng sống của họ trong hiện tại và dẫn dắt họ trong đời sống vô định của một tương lai đen tối. Vì trách nhiệm, tôi bám chặt họ để làm lẽ sống. Vì quả cảm trung thành, họ quyết theo tôi cho đến bước đường cùng. Tôi đứng như trời trồng, nhìn xuống chân thấy bóng mình dần thu ngắn lại. Tiếng rè rè của PRC25 làm tôi giật mình. Đích thân Đại Úy Biệt Động Trưởng ra lệnh hành quân. Các sĩ quan trong ban chỉ huy Biệt Động đã đồng ý một kế hoạch rút quân về tòa nhà Quốc Hội, giá súng tại đây, tuyệt đối không buông súng trong vùng trách nhiệm. Trung đội Thám Kịch mở đường và tập hậu, chiếm các cao ốc làm điểm tựa cho cuộc rút quân.

Tôi tê dại đánh rơi cần liên hợp xuống mặt đường. Vậy là hết! Sống người trong phút chốc, tôi buông thõng:

- Đi.

- Đi đâu thiếu úy. Người toán phó nôn nóng hỏi.

Tôi nhìn anh ta với đôi mắt ngầu lên uất hờn tủi nhục rít qua kẽ răng đang nghiến chặt:

- Lệnh hành quân về Quốc Hội.

Tôi đáp gọn rồi kịp quay đi dấu đôi dòng lệ trào tuôn không cảm được.

Biệt Đội đã bắt đầu di chuyển, ba toán nhảy theo chân sáo mà điểm đầu là các tòa cao ốc để bảo vệ các trung đội xung kích di chuyển trên mặt đường. Toán chúng tôi tuy vẫn giữ nguyên tắc tổ tam đầu nhưng tụ lại cho ẩm cúng hơn. Bỗng nhiên, tiếng máy của T54 đồng loạt gầm lên trên khắp ngã đường. Những khối sắt đen đồng loạt bò ra dừng lại án ngữ những điểm chính yếu rồi đứng lại đe dọa. Có tiếng click nhẹ của những khẩu M72 dương nòng. Tôi chưa kịp phản ứng gì thì nhìn quanh, những người lính thiện nghệ của tôi đã vào vị trí sẵn sàng chiến đấu. Tôi vụng về dương nòng cây M72 rồi ẩn mình sau một gốc cây lớn vệ đường quan sát.

Im lặng căng thẳng cùng cực. T54 gục nòng trong tư thế trực xạ, M72 đã sẵn sàng với biểu xích đã bật lên, súng ghim súng, mắt long lên theo từng động tĩnh của đối phương, chỉ cần một tiếng súng nổ là khai hỏa một trận chiến không ai lường được hậu quả. Lúc bấy giờ khả năng tham chiến của Biệt Đội 817 chúng tôi vẫn đầy đủ.

Chiến công cuối cùng của Biệt Đội 817 Liên Đoàn 81 BCD ngay giữa Thủ đô Sài Gòn sáng ngày 30-04-1975.

Đang trong phút im lặng tử thần đó, một sĩ quan, nếu tôi nhớ không lầm là một toán trưởng kỳ cựu trong Trung Đội Thám Kịch, một cánh tay phải của Biệt Đội Trưởng, đứng thẳng người, mạnh dạn bước ra, nhìn về hướng Biệt Đội

Trường như chờ sự chấp thuận. Nhận được thủ lệnh, anh từ tốn cời bỏ vũ khí để xuống mặt đường, rồi đồng đặc bước ra đứng giữa đường lớn tiếng:

- Chúng tôi, Biệt Đội 817 Biệt Cách Dù. Chúng tôi không buông súng trong vùng trách nhiệm. Chúng tôi đang hành quân về Quốc Hội để trả vũ khí lại cho dân.



Trận đánh cuối cùng tại Cầu Tân Cảng.

Giọng anh sang sảng bằng tiếng Bắc 54.

Phía đối phương không động tĩnh một hồi lâu, có lẽ họ đang liên lạc để chờ lệnh trên hay để đánh giá lực lượng chúng tôi trước khi quyết định việc gì. Sau đó, từ chiếc T54 phía sau, một người bên đối phương bước xuống nói chuyện với anh sĩ quan toán trưởng này. Hai bên tranh luận dằng co, lúc nhẹ nhàng, khi lớn tiếng. Cuối cùng, anh toán trưởng quay trở lại, khuôn mặt đỏ ngầu. Vì an nguy của đồng đội, anh đã cố nén đi sự phẫn nộ. Có lẽ anh đã quen nói chuyện với địch quân bằng một phương pháp cứng rắn hơn. Sau khi về lại vị trí, anh toán trưởng này đã gọi mọi người cùng lên máy và chúng tôi nói chuyện bằng bạch văn. Tôi được biết đối phương đã đồng ý để chúng tôi tiếp tục hành

quân về toà nhà Quốc Hội, nhưng hai bên cùng thỏa thuận rằng trên lộ trình hành quân, nếu gặp nơi đối phương đang trú quân, chúng tôi phải vác súng lên vai và ngược lại. Khi chúng tôi nghỉ chân thì bất cứ đơn vị nào của đối phương di chuyển qua cũng phải vác súng lên vai không được ở tư thế tác chiến.

Đại Úy Biệt Động Trưởng ra lệnh tiếp tục hành quân. Chúng tôi cảm lạnh di chuyển, trong lòng thấm dần niềm đau nỗi nhục, nhìn quang cảnh phố phường lẫn lộn **đỏ xanh của màu cờ gạt lừa dối trá**.

Dân chúng hai bên đường nhìn chúng tôi như những bóng ma đang di chuyển trong một nghĩa địa hoang tàn của Sài Gòn sau cơn binh lửa.

Đến ngã tư Trương minh Giảng - Công Lý, một lần nữa tiếng gầm rú của T54 lại vang lên như đang cố gắng nghiền nát tinh thần chúng tôi. Đối phương đã huy động một lực lượng chiến xa lẫn chủ lực đáng kể nhằm khống chế chúng tôi tại chỗ. Toán nhảy tiền phương đã bị chặn đứng không thi hành được nhiệm vụ vì đối đầu với những khẩu 3.5 đang theo dõi bước chân của từng người lính thám kích. Nhìn chung quanh, đại pháo của chiến xa trên các ngã đường đang gục nòng sẵn sàng khai hỏa. Toán nhảy tập hậu đã gọi về báo một tình trạng tương tự ở sau lưng, trên các cao ốc đối phương đã hoàn toàn trấn giữ.

Chúng tôi nhìn nhau không biết phải làm gì, Biệt Động Trưởng lắc đầu chậm chạp, từng khuôn mặt lặng câm không cảm xúc. Một cảm giác tê dại chạy khắp người tôi từ bàn chân lên đến đỉnh đầu. Tâm trí hoàn toàn trống không, tôi đứng như trời trồng uất nghẹn, mắt trợn trừng nhìn vào cõi hư vô, tai ù lên chỉ còn nghe tiếng mạch máu nhảy lên trong lồng ngực. Tôi nói như trong mơ:

- Các anh về với gia đình đi.

.....

Từng người lính rời xa, trái tim tôi quặn thắt.

.....

Tôi không nhớ việc gì đã xảy ra sau đó. Tôi nhìn chung quanh trông vắng lạnh lùng, nòng đại pháo trên các chiến xa T54 vẫn còn nhìn tôi với con mắt chột đen ngòm lạnh lẽo. Tôi lặng lẽ trút bỏ quân trang và vũ khí trên người, giắt khẩu P38 ngắn nòng vào thắt lưng, đặt chiếc nón sắt nhẹ nhàng xuống một gốc cây gần đó, rút chiếc nón xanh của binh chủng đội lên đầu, vuốt sơ lại bộ quân phục đã nhàu nát và bước đi giữa những vết tích tàn lụn ngổn ngang của binh sĩ, như kẻ mộng du, nhắm về hướng Suối Máu, như loài cá vô tri tìm về nơi chốn đã khởi đầu cho một cuộc hành trình dĩ vãng.

Tôi bước đi như vào chốn không tên, tắt cả giác quan đều ngưng hoạt động, mắt nhìn đăm đăm tro đại, tai ù lên những tiếng vo ve nhức nhối, miệng lưỡi đắng khô và chân tôi đều bước nhịp quân hành... Lúc bấy giờ trời đã nghiêng bóng, có lẽ đã hơn hai giờ chiều.

- Niên trưởng! Niên trưởng! Trời ơi, giờ này mà Niên trưởng còn mặc đồ này đi. Coi chừng tụi nó bắn chết.

Một khoá đàn em hay một người lính nào đó nắm tay tôi, vừa la thất thanh vừa kéo tôi vào một hẻm nhỏ bên kia cầu xa lộ. Anh ta dâng lấy nón, cởi phăng áo tôi ra, rút khẩu P38 gói vào trong áo chung với chiếc nón xanh dấu vào một góc nhà, rồi khoác vào tôi một chiếc áo sơ mi cũ nhàu nát loang đốm vết dầu. Sau đó quăng cho tôi một chiếc quần cũng nhàu nát không kém và một đôi dép Nhật. Tôi lặng lẽ theo lời anh thay đôi giày và chiếc quần trần ra như một kẻ không hồn.

- “Niên trưởng về nhà đi.” Anh dẫn tôi ra lại xa lộ, nắm tay khế bảo.

Tôi lại lững thững bước đi, như một xác âm binh lạc lối.

Bước chân tôi dừng lại trước căn nhà trọ của gia đình đã di tản từ Qui Nhơn hơn tháng qua. Nhìn qua khe cửa hé mở, tôi thấy Mẹ tôi ngồi im lặng một góc theo lối Kiết già. Bà đang niệm Phật để nguyện cầu cho Quốc thái Dân an, hay cho hai

đưa con trai đang còn mải mê ở chiến trường đâu đó. Tôi khẽ lách cửa bước vào, hai người chị gái tôi ngồi bệt dưới đất trong tư thế đợi chờ ngột ngạt không biết chuyện gì sẽ xảy đến.

- Mẹ! tôi khẽ kêu lên.

Cả nhà nhìn lên tôi, ngạc nhiên, sững sờ, bề dẫu của cuộc đời đã thể hiện cả lên hình hài tôi qua bộ đồ dân sự nhàu nát.

Mẹ tôi nhìn tôi từ trên xuống dưới, cái nhìn đau đớn đến vô hồn của một bà Mẹ đi nhận xác con. Vâng! con của Mẹ đã chết trong ngậm ngùi, mang theo những hoài bão ước mơ và trời lấp biển, và nó đang về đây với cái xác không hồn từ cõi âm ti...

Tôi viết lên những dòng chữ này để nhớ đến những người lính quả cảm trung thành cùng binh chủng. Đây là dấu tích sau cùng của riêng tôi trong đoạn đường binh nghiệp ngắn ngủi.

Trong những ngày cuối tháng Tư Đen, hãy chia xẻ niềm đau với biết bao nhiêu người trai trẻ đã bị sống trong cảnh bức tử oan nghiệt. Thượng cấp, vì quá lệ thuộc vào ngoại bang, đã tước bỏ đi của chúng tôi cái quyền căn bản của các cấp sĩ quan trẻ đầy lý tưởng và nhiệt huyết:

**QUYỀN ĐƯỢC CHIẾN ĐẤU ĐỂ ĐI ĐẾN CHIẾN
THẮNG, HOẶC HY SINH BÊN CẠNH NHỮNG
NGƯỜI LÍNH THÂN YẾU.**